

Phát triển tín dụng xanh: Nghiên cứu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

NGUYỄN QUỐC ANH *

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Nhận bài: 27/05/2022 - Duyệt đăng: 15/10/2022

(*) Liên hệ: quocanh@ueh.edu.vn; ĐT: 0944116699

Tóm tắt:

Trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển, đời sống người dân và hoạt động sản xuất của doanh nghiệp đang có những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thì tín dụng xanh đang dần nhận được nhiều sự quan tâm hơn. Tại VN, việc triển khai tín dụng xanh đang ở giai đoạn sơ khai và còn gặp nhiều vấn đề cần xử lý. Bài nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh của 19 ngân hàng thương mại tại VN. Bài nghiên cứu sử dụng hai phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để xử lý dữ liệu thu từ 256 người đang làm công tác quản lý các cấp tại ngân hàng, dữ liệu được xử lý bằng SPSS. Kết quả nghiên cứu cho thấy bốn biến độc lập bao gồm áp lực cộng đồng, áp lực từ khách hàng, áp lực từ đối thủ cạnh tranh, áp lực quy định có tác động cùng chiều đến biến phụ thuộc là sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất hàm ý quản trị cho các cơ quan quản lý và các ngân hàng thương mại tại VN. Kết quả nghiên cứu đã đóng góp thêm một bằng chứng tại các ngân hàng thương mại VN vào những nghiên cứu thực nghiệm về mảng tín dụng xanh.

Từ khóa: Tín dụng xanh, cơ hội thách thức, cộng đồng, ngân hàng thương mại.

Abstract:

In the context that society is increasingly developing, people's lives and production activities of enterprises are having negative impacts on the environment, green credit is gradually receiving more attention. In Vietnam, the implementation of green credit is still in its infancy and there are still many problems to be solved. The study was conducted to find out the factors affecting the acceptance of green credit by 19 commercial banks in Vietnam. The study uses two methods of qualitative and quantitative research to process data collected from 256 people who are working at all levels of management at the bank, the data is processed by SPSS. The research results show that four independent variables including community pressure, pressure from customers, pressure from competitors, regulatory pressure have a positive impact on the dependent variable which is the acceptance of green credit implementation. From the research results, the author has proposed governance implications for regulatory agencies and commercial banks in Vietnam. The research results have contributed the evidence in Vietnamese commercial banks to the empirical research on green credit.

Keywords: Green credit, opportunities-challenges, community, commercial banks

1. Đặt vấn đề

Ngân hàng xanh hay còn gọi là ngân hàng bền vững đã bắt đầu thu hút sự chú ý của ngành ngân hàng thế giới trong những năm gần đây. Mô hình này cung cấp các sản phẩm và dịch vụ nhằm giảm thiểu tác hại đến môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và giảm bớt các tác động tiêu cực trực tiếp và gián tiếp của hoạt động ngân hàng trong đó có hoạt động tín dụng (Redwanuzzaman, 2021).

Sự cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên nghiêm trọng, các quy định về môi trường đã dần được quy định chặt chẽ hơn. Là một phần quan trọng của quy định về môi trường, tín dụng xanh thu hút sự quan tâm rộng rãi của giới học thuật và các ngành công nghiệp khác nhau. Tín dụng xanh được các nhà quản lý kỳ vọng sẽ phân bổ hợp lý quỹ tín dụng thông qua các dịch vụ tín dụng khác biệt, tạo ra sự tiến bộ khi phối hợp giữa tài chính và việc bảo vệ môi trường (He et al., 2019).

Các nghiên cứu trước đây đã phát hiện ra rằng tín dụng xanh giúp các ngân hàng tránh được rủi ro về môi trường, chuyển đổi xanh của doanh nghiệp và phát triển kinh tế bền vững. Bên cạnh đó, tín dụng xanh cũng có thể cải thiện tính minh bạch thông tin của các doanh nghiệp và tăng cường mối liên kết giữa lĩnh vực tài chính và lĩnh vực bảo vệ môi trường (Cui et al., 2018).

Tương tự như nhiều nước trên thế giới, ngân hàng thương mại cũng là một định chế quan trọng trong hệ thống tài chính VN, cung cấp nguồn vốn chính cho nền kinh tế. Vì vậy, không nằm

ngoài xu thế, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015 về việc thúc đẩy hoạt động tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại, đẩy mạnh chủ trương cấp tín dụng cho những dự án có mục tiêu rõ ràng về việc bảo vệ môi trường, khuyến khích hoạt động kinh doanh thân thiện với môi trường.

Nếu xét về quy mô tăng trưởng của tín dụng xanh trong những năm gần đây, có thể thấy rằng dư nợ tín dụng xanh đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Mặc dù vậy, quy mô dư nợ vẫn tương đối nhỏ so với tổng tín dụng hệ thống. Về cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn, dư nợ tín dụng trung và dài hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu. Về cơ cấu theo lĩnh vực, dư nợ tín dụng xanh chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp xanh, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch chiếm tỷ trọng thấp hơn, tiếp theo là quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn, lâm nghiệp. Hiện tại có khoảng 19 ngân hàng thương mại đã xây dựng quy trình thẩm định rủi ro môi trường và xã hội trong các quy định nội bộ. Thậm chí một số ngân hàng đã gắn tín dụng “xanh” vào các chiến lược marketing và định hướng phát triển của mình (Hoài Linh và cộng sự, 2022).

Có thể thấy rằng, tín dụng xanh đang ở giai đoạn đầu phát triển tại VN. Do đó, hoạt động tín dụng xanh vẫn còn nhiều hạn chế, quy mô chưa lớn. Tuy nhiên, theo xu thế phát triển và dưới áp lực của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường thì mảng tín dụng này cần thiết phải phát triển trong thời gian tới. Bài nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu

những yếu tố tác động đến xu hướng triển khai tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại VN, từ đó đề xuất hàm ý quản trị phù hợp cho các ngân hàng.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết “Quan điểm dựa vào nguồn lực RBV” và tài chính xanh

Lý thuyết dựa trên nguồn lực (RBV) được giới thiệu trong nghiên cứu của Barney (1991). Đây là khung quản lý được sử dụng để xác định các nguồn lực chiến lược mà một tổ chức có thể tối ưu hóa để tạo ra lợi thế cạnh tranh. Lý thuyết RBV lập luận rằng, để đạt được lợi thế cạnh tranh, một công ty cần sử dụng hiệu quả các nguồn lực tự có thay vì chạy theo các nguồn lực bên ngoài. Mặc dù phần lớn các nghiên cứu tập trung vào nguồn nhân lực hoặc khả năng hỗ trợ công nghệ, một số khác lại cho rằng nguồn lực tài chính là một trong những nguồn lực nội bộ quan trọng nhất mà một tổ chức cần tối ưu hóa để đạt được lợi thế cạnh tranh. Trong đó, tài chính xanh sử dụng vốn nhân rồi do các tổ chức và trung gian tài chính cung cấp cho các mục đích phát triển bền vững như sản xuất xanh, các dự án biến đổi khí hậu hoặc sử dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động kinh doanh. Việc triển khai tài chính xanh cho phép một tổ chức duy trì các trách nhiệm xã hội và môi trường nhưng vẫn duy trì các lợi ích kinh tế (Wu et al., 2021).

2.2. Tín dụng xanh

Vốn ngân hàng là một nguồn tài chính không thể thiếu của các doanh nghiệp. Với tư cách là chủ nợ, ngân hàng giám sát người đi vay và hạn chế các hành vi thông

qua các hợp đồng hợp đồng cho vay và chính sách cho vay. Tín dụng xanh là chiến lược tín dụng của các ngân hàng và không ủng hộ các doanh nghiệp gây ô nhiễm nặng nề. Tín dụng xanh là việc điều chỉnh cơ cấu tỷ lệ tín dụng dài hạn và ngắn hạn đối với các doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến cơ cấu đầu tư và hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp gây ô nhiễm nặng. Trong quá trình cấp tín dụng xanh, ngân hàng lấy thông tin liên quan đến dự án và doanh nghiệp xin vay làm tiêu chuẩn kiểm tra trong quá trình cho vay, sau đó đưa ra quyết định cho vay (Yao et al., 2021).

Mục tiêu chung của tín dụng xanh nhằm tiến hành thực hiện rộng rãi mô hình tài chính xanh và ngân hàng xanh, xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế xanh thông qua việc áp dụng tiêu chuẩn về môi trường khi cấp vốn vay cho các dự án vì môi trường, giảm thiểu khí thải ô nhiễm, hướng đến một nền kinh tế cacbon thấp, phát triển kinh tế bền vững. Trong đó, hoạt động tín dụng xanh bao gồm:

(i) Cho vay hỗ trợ hộ gia đình: Đây là các khoản vay lãi suất thấp, nhằm hỗ trợ cho những hộ gia đình mua các thiết bị sử dụng năng lượng mới hoặc đầu tư vào các ứng dụng sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Ngân hàng cũng có thể tham gia hỗ trợ bằng cách cung cấp các khoản vay khuyến khích hộ gia đình chuyển sang ngôi nhà mới, thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng. Một số ngân hàng xanh có thể trở thành đối tác với các công ty cung cấp thiết bị và công nghệ mới bảo vệ môi trường.

(ii) Cho vay xây dựng thương mại xanh: các ngân hàng thương mại có thể cung cấp các khoản tín dụng xây dựng các trung tâm thương mại xanh với các thiết kế nhằm giảm thiểu tiêu thụ năng lượng (15-25%), giảm rác thải tiêu thụ và ô nhiễm môi trường so với các công trình truyền thống. Những công trình xanh này ít tiêu tốn năng lượng, ít xả thải hơn các công trình truyền thống nên chi phí hoạt động được cắt giảm, lợi nhuận tăng lên và tạo nên lợi thế khi định giá bất động sản.

(iii) Cho vay mua ô tô xanh: ngân hàng đưa ra các gói lãi suất thấp hơn lãi suất thị trường để khuyến khích khách hàng mua các ô tô có hiệu suất sử dụng nhiên liệu tiết kiệm. Các sản phẩm này có xu hướng tăng trong các năm gần đây và đặc biệt phát triển tại các nước châu Âu, châu Úc.

2.3. Áp lực quy định và sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh

Nghiên cứu trước đã cho thấy quy định mang tính cưỡng chế đã buộc các doanh nghiệp phải thực hiện các thông lệ của ngành. Chính phủ hoặc cơ quan quản lý có thể kiểm soát hoặc tác động đến các chính sách và thông lệ của tổ chức. Một số nhà nghiên cứu đã lập luận rằng các cơ quan này có ảnh hưởng lớn nhất đến các hoạt động của một công ty. Để thúc đẩy bảo vệ môi trường, các cơ quan quản lý tại các nước đang phát triển phát tín hiệu về việc lo ngại mối đe dọa đối với an toàn con người và môi trường. Áp lực pháp lý có thể làm giảm nhẹ mối quan hệ giữa phát triển sản phẩm xanh và hiệu quả môi trường. Tuy nhiên, các doanh nghiệp phải đối mặt với áp lực pháp lý, tập trung hơn vào môi

trường sẽ làm giảm hiệu quả kinh tế của họ do dành nhiều tiền hơn để phát triển các hoạt động này (Zhu & Sarkis, 2007). Từ đó, kỳ vọng áp lực quy định và sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh có mối tương quan cùng chiều nhau.

H1: Áp lực quy định và sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh có mối tương quan cùng chiều nhau.

2.4. Áp lực của khách hàng và sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh

Sự phụ thuộc của ngân hàng vào khách hàng khiến áp lực của khách hàng trở thành một loại áp lực cưỡng chế quan trọng. Khách hàng đã được xác định là một bên liên quan chính ảnh hưởng đến việc triển khai sản phẩm xanh của các doanh nghiệp. Với kỳ vọng ngày càng tăng của người tiêu dùng về các chính sách môi trường và yêu cầu tuân thủ, ngành ngân hàng không thể thoát khỏi làn sóng ý thức về môi trường này. Khách hàng có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp và tầm quan trọng trong việc đẩy nhanh việc áp dụng tín dụng xanh. Nhận thức và áp lực từ khách hàng về các vấn đề môi trường có tác động tích cực đến việc áp dụng tín dụng xanh (David & Shameem, 2017). Từ đó, kỳ vọng áp lực của khách hàng và sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh có mối tương quan cùng chiều nhau.

H2: Áp lực của khách hàng và sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh có mối tương quan cùng chiều nhau.

2.5. Áp lực của đối thủ cạnh tranh và sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh

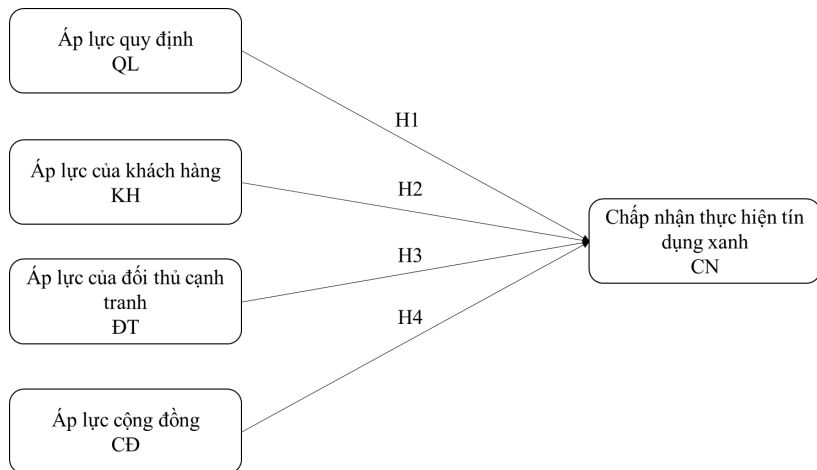
Các áp lực cạnh tranh được nhận thấy có liên quan tích cực đến việc triển khai các sản phẩm xanh. Ngành ngân hàng là một trong những ngành chịu tác động lớn bởi áp lực bất chước và mức độ bất chước cao dẫn đến hiện tượng trùng lặp cao. Nghiên cứu trước cũng đã cho thấy áp lực của đối thủ cạnh tranh đóng vai trò quan trọng trong sự tồn tại của ngân hàng bởi vì các ngân hàng phải tuân theo các chính sách quy định tương tự, và đối mặt với mức độ cao của áp lực cạnh tranh. Ngoài ra, các đối thủ cạnh tranh có tầm quan trọng cao, đe dọa, ảnh hưởng và khả năng hợp tác đối với việc triển khai tín dụng xanh. Tại Bangladesh, các ngân hàng đang phải đối mặt với những áp lực cạnh tranh rất lớn từ thị trường và các quy định về ngân hàng xanh. Khi các ngân hàng thực hiện ngân hàng xanh, họ sẽ bắt chước lộ trình của nhau để áp dụng thành công hơn. Điều này giúp các ngân hàng nắm bắt các cơ hội thị trường chưa được khai thác và thu được lợi ích từ thị trường (Prajogo et al., 2012). Từ đó, kỳ vọng áp lực của đối thủ cạnh tranh và sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh có mối tương quan cùng chiều nhau.

H3: Áp lực của đối thủ cạnh tranh và sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh có mối tương quan cùng chiều nhau.

2.6. Áp lực cộng đồng và sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh

Áp lực cộng đồng là một trong những thể lực mạnh mẽ mà các ngân hàng không thể coi thường. Áp lực của công chúng đối với việc triển khai các sản phẩm xanh của ngân hàng có xu hướng gia tăng. Do áp lực đó,

Hình 1. Mô hình nghiên cứu lý thuyết



Nguồn: Đề xuất của tác giả

Bảng 1. Thang đo mô hình nghiên cứu

Áp lực quy định (QL)	
QL1	Ngân hàng Nhà nước có đủ sức mạnh để thực thi các chính sách tín dụng xanh đã ban hành.
QL2	Các chính sách của Ngân hàng Nhà nước về tín dụng xanh được đánh giá là hợp pháp.
QL3	Các chính sách của Ngân hàng Nhà nước về tín dụng xanh được đánh giá là cần thiết.
Áp lực từ khách hàng (KH)	
KH1	Khách hàng có kiến thức về tín dụng xanh.
KH2	Nhận thức về tín dụng xanh của khách hàng tăng.
KH3	Khách hàng ưu tiên sử dụng sản phẩm tín dụng xanh.
KH4	Cam kết về việc sử dụng tín dụng xanh của khách hàng ngày càng tăng.
Áp lực từ đối thủ cạnh tranh (DT)	
DT1	Ngân hàng thương mại khác hoàn toàn có thể thực hiện các tuyên bố về tín dụng xanh.
DT2	Các công bố về tín dụng xanh của các NHTM khác được đánh giá là hợp pháp.
DT3	Các công bố về tín dụng xanh của các NHTM khác được đánh giá là cần thiết.
Áp lực cộng đồng (CD)	
CD1	Tín dụng xanh là điều đúng đắn cần làm để thúc đẩy phúc lợi xã hội.
CD2	Tín dụng xanh có thể giúp ngăn chặn các vấn đề môi trường như sự nóng lên toàn cầu.
CD3	Sức khỏe và sự an toàn của xã hội là mối quan tâm chính của các NHTM.
CD4	Hành vi của ngân hàng đối với tín dụng xanh bị ảnh hưởng bởi nhu cầu của xã hội.
CD5	Ngân hàng chú ý đến phản ứng của xã hội về tín dụng xanh.
CD6	Khách hàng lớn thường yêu cầu ngân hàng triển khai sản phẩm tín dụng xanh.
Chấp nhận thực hiện tín dụng xanh (CN)	
CN1	Nhìn chung, ngân hàng luôn sẵn sàng chấp nhận những ý tưởng mới.
CN2	Ngân hàng rất sẵn lòng thực hiện những sản phẩm mới.
CN3	Ngân hàng sẽ thực hiện cấp tín dụng xanh ngay khi có ngân hàng thương mại khác thực hiện

Nguồn: Redwanuzzaman (2021) và Asim Ali Bukhari et al. (2019)

ngành ngân hàng phải trở thành chủ thể khởi xướng các thay đổi môi trường trong xã hội. Với tư cách là các bên liên quan, công chúng có thể có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến chính sách môi trường của tổ chức. Khả năng củng cố hoặc duy trì các mối quan hệ với các lực lượng môi trường ảnh hưởng đến quyết định của một tổ chức nhằm buộc các ngân hàng tuân theo các thông lệ quản lý xanh (Qi et al., 2011). Từ đó, kỳ vọng áp lực cộng đồng và sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh có mối tương quan cùng chiều nhau.

H4: Áp lực cộng đồng và sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh có mối tương quan cùng chiều nhau.

2.7. Thang đo

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, tác giả đã thực hiện đánh giá tất cả các thang đo của mô hình. Bài nghiên cứu đã sử dụng thang đo Likert 5 cấp độ, mức đo lường từ 1 đến 5 tương đương với “Hoàn toàn không đồng ý” đến “Hoàn toàn đồng ý”. Bảng câu hỏi sử dụng các thang đo sẵn có được điều chỉnh từ nghiên cứu trước đó để thiết lập tính hợp lệ của nội dung. Thang đo của bài nghiên cứu được tham khảo từ nghiên cứu của (Redwanuzzaman, 2021) và (Asim Ali Bukhari et al., 2019). Bảng 1 trình bày thang đo của các biến trong mô hình nghiên cứu.

3. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu các yếu tố tác động đến quyết định chấp nhận thực hiện tín dụng xanh của các ngân hàng thương mại VN. Đây là nghiên cứu khám phá, sử dụng phương pháp nghiên cứu

Bảng 2. Kiểm định độ tin cậy (Cronbach's Alpha)

STT	Thang đo	Mã hóa	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha
1	Áp lực quy định	QL	3	0,78
2	Áp lực từ khách hàng	KH	4	0,72
3	Áp lực từ đối thủ cạnh tranh	DT	3	0,71
4	Áp lực cộng đồng	CD	6	0,81
5	Chấp nhận thực hiện tín dụng xanh	CN	3	0,67

Bảng 3. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

	Nhân tố			
	1	2	3	4
CD1	0,59			
CD2	0,71			
CD3	0,73			
CD4	0,78			
CD5	0,69			
CD6	0,59			
DT1				0,76
DT2				0,80
DT3				0,72
KH1			0,73	
KH2			0,73	
KH3			0,71	
KH4			0,65	
QL1		0,68		
QL2		0,85		
QL3		0,84		

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng để xử lý dữ liệu. Trước khi thực hiện nghiên cứu chính thức, một nghiên cứu thăm dò được tiến hành trước tiên để có được những hiểu biết sâu sắc về các yếu tố tác động. Nghiên cứu thăm dò này hỗ trợ cho việc lựa chọn dữ liệu định lượng từ một mẫu nghiên cứu mục tiêu. Số lượng mẫu được chọn để thực hiện nghiên cứu thăm dò là 20 (n=20), bao gồm những người làm công tác quản lý tại 19 ngân hàng thương mại đang triển khai sản phẩm tín dụng xanh tại VN. Sau đó, Bảng khảo sát được triển khai khảo sát trước cho 10 người (n = 10). Mục tiêu của việc khảo sát trước là để xác định xem điều gì khó giải quyết do câu từ, công

thức hoặc thuật ngữ kỹ thuật, và chỉnh sửa lại cho phù hợp.

Phương pháp định lượng được sử dụng trong nghiên cứu, kích thước mẫu trong nghiên cứu chính tối thiểu phải gấp 5 lần biến quan sát và được tính theo công thức $n = 5 \times m$ khi tiến hành phân tích nhân tố EFA (Hair, J. F., Ringle, C. M., & Sarstedt, 2011). Như vậy, cỡ mẫu tối thiểu cần thu thập là 145, nhóm tác giả đặt mục tiêu và gửi khảo sát 260 mẫu và thu về 256 kết quả phản hồi, do đó tỷ lệ phản hồi là 98%.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Hệ số Cronbach's Alpha là phương pháp kiểm định thống kê

về mức độ chặt chẽ của các biến quan sát trong cùng một thang đo tương quan với nhau. Đây là phân tích cần thiết cho thang đo, nó được dùng để loại các biến không phù hợp trước khi phân tích nhân tố khám phá EFA. Các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại. Thang đo chấp nhận được khi có trị số Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên phục vụ cho mục đích nghiên cứu khám phá. Kết quả xử lý dữ liệu cho thấy tất cả các biến của thang đo đều được giữ nguyên cho phân tích EFA tiếp theo.

Phân tích nhân tố khám phá EFA bằng phương pháp trích hệ số Principal component và phép quay Varimax. Kết quả phân tích EFA lần cuối được thể hiện trong Bảng 3.

Kết quả kiểm định Bartlett's cho thấy các biến trong tổng thể có mối tương quan với nhau ($\text{Sig} = 0.00 < 0.05$). Đồng thời hệ số KMO = 0,807 > 0,5 chứng tỏ phân tích nhân tố để nhóm biến lại với nhau là thích hợp và dữ liệu phù hợp cho việc phân tích nhân tố.

Các nhân tố đều có giá trị Eigenvalues > 1, với phương pháp rút trích Principal components và phép quay Varimax, có 4 nhân tố được rút trích ra từ biến quan sát. Phương sai trích là 59,47 > 50% là đạt yêu cầu. Điều này chứng tỏ 4 nhân tố được rút trích thể hiện được khả năng giải thích được 59,47% sự thay đổi của biến phụ thuộc trong tổng thể. Kết quả trong Bảng 3 cho thấy trọng số nhân tố các biến đều lớn hơn 0,5 nên đạt yêu cầu. Như vậy, qua phân tích nhân tố thì mô hình có 16 nhân tố và hội tụ thành 4 nhóm.

Bảng 4. Thông số thống kê trong mô hình hồi quy

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa		t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta				Hệ số Tolerance	Hệ số VIF
(Cons.)	0,77	0,16			4,79	0,00		
CD	0,17	0,04	0,21		4,15	0,00	0,74	1,35
1 DT	0,11	0,03	0,17		3,69	0,00	0,85	1,17
KH	0,19	0,03	0,28		5,84	0,00	0,81	1,23
QL	0,29	0,03	0,36		7,63	0,00	0,80	1,23

Biến phụ thuộc: CN

Hệ số R2: 0,53

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp đưa vào một lược (Enter) để phân tích hồi quy tuyến tính đa biến giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập. Kết quả nghiên cứu trong Bảng 3 cho thấy các biến độc lập trong mô hình có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc, tức là sự kết hợp của các biến độc lập có thể giải thích được sự thay đổi của biến phụ thuộc.

Từ thông số thống kê trong mô hình hồi quy ở Bảng 4, phương trình hồi quy tuyến tính đa biến các yếu tố tác động đến sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh của các ngân hàng thương mại tại VN như Bảng 4.

4.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu định lượng

Kết quả cho thấy hệ số phóng đại phương sai các biến độc lập (VIF) đều nhỏ hơn 3. Hệ số Tolerance đều lớn hơn 0,5 cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Khi xét Tstat và $t_{(\alpha/2)}$ của các biến độc lập đều đạt yêu cầu nên các biến độc lập này đều có tác động đến biến phụ thuộc với độ tin cậy 90%. Hệ số hồi quy chuẩn hóa (Beta) của các biến độc lập đều mang dấu dương, có nghĩa là các biến này có quan hệ cùng

chiều với biến phụ thuộc.

Từ thông số thống kê trong mô hình hồi quy ở Bảng 4, phương trình hồi quy tuyến tính đa biến các yếu tố tác động đến sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng tại VN có dạng như sau:

Các yếu tố tác động đến sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh = $0,21 \cdot \text{CD} + 0,17 \cdot \text{DT} + 0,28 \cdot \text{KH} + 0,37 \cdot \text{QL}$.

Như vậy, cả 4 nhân tố áp lực quản lý, áp lực từ khách hàng, áp lực từ đối thủ cạnh tranh, áp lực từ cộng đồng đều ảnh hưởng tỷ lệ thuận đến sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh. Kết quả này tương tự với kết quả nghiên cứu của Redwanuzzaman (2021). Trong 4 nhân tố này thì áp lực quy định có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh của ngân hàng. Tuy nhiên, có thể thấy rằng mức độ chênh lệch về tầm quan trọng không lớn giữa 4 yếu tố này.

5. Hàm ý quản trị

Kết quả nghiên cứu cho thấy áp lực quy định có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh của ngân hàng. Từ đó, bài nghiên cứu đề xuất hàm ý chính sách cho Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước tiếp

tục xây dựng, hoàn thiện các khung pháp lý cho hoạt động tín dụng xanh và các dự án đầu tư kinh doanh có ảnh hưởng tới môi trường. Đưa ra các tiêu chuẩn về tín dụng xanh, danh mục các ngành, lĩnh vực xanh để áp dụng chung, thống nhất. Đây là cơ sở để các ngân hàng sử dụng để thẩm định, đánh giá và giám sát khi cấp các gói tín dụng xanh. Bên cạnh đó, cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện sổ tay hướng dẫn đánh giá rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của các NHTM.

Hiện tại thì các gói tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng cấp cho khách hàng có mức lãi suất không đúng bản chất của sản phẩm này do chưa có nhiều cơ chế ưu đãi. Vì vậy, Ngân hàng Nhà nước cần đưa ra các chính sách ưu đãi đối với các tổ chức tín dụng thực hiện tín dụng xanh như giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với phần nguồn vốn tổ chức tín dụng huy động cho vay dự án, ưu đãi tái cấp vốn, tái chiết khấu cho mục đích tín dụng xanh phù hợp với mục tiêu, biện pháp điều hành chính sách tiền tệ, các khoản vay này được ưu tiên về thời hạn và nguồn vốn cho vay so với các lĩnh vực khác. Các biện pháp này sẽ gián tiếp hỗ trợ cho tổ chức tín dụng giảm lãi suất hoặc có cơ chế ưu đãi cho các sản phẩm tín dụng xanh của khách hàng.

Đối với các NHTM thì cần tích cực triển khai thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; triển khai kịp thời các chương trình,

chính sách tín dụng khác theo chỉ đạo của Chính phủ nhằm hỗ trợ tái cơ cấu, phát triển bền vững ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống người nông dân. Bên cạnh đó, các ngân hàng cần đẩy mạnh công tác huy động các nguồn lực để thực hiện chính sách tín dụng xanh, bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, tranh thủ các nguồn vốn ưu đãi dài hạn từ các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới, Công ty tài chính quốc tế... giúp các doanh nghiệp, hộ sản xuất trên địa bàn tiếp cận nguồn vốn tín dụng xanh.

Kết quả nghiên cứu cho thấy áp lực từ khách hàng có tác động cùng chiều đến sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh của ngân hàng. Do đó, các NHTM cần triển khai xây dựng các chính sách riêng cho hoạt động tín dụng xanh, gắn với mục tiêu xanh gồm năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, vệ sinh nước sạch. Đẩy mạnh phát triển sản phẩm tín dụng xanh, sử dụng hợp lý nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng hay các chương trình dự án của Nhà nước cho các dự án xanh nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường. Bên cạnh đó, các NHTM cũng cần phát triển các dịch vụ ngân hàng hiện đại nhằm giảm thiểu lưu thông tiền mặt trong thị trường, góp phần phát triển sản phẩm tín dụng xanh; nâng cao năng lực tài chính bằng cách huy động nguồn lực từ các tổ chức tài chính quốc tế hay các nhà tài trợ nước ngoài.

Áp lực từ cộng đồng có tác động tích cực đến sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh của ngân hàng. Từ đó, các NHTM cần tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục cho vay, đa

dạng hóa sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tăng cường chuyển đổi số trong hoạt động để đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn của người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, kết hợp cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra nền nông nghiệp tri thức, nông nghiệp thông minh. Tăng cường quảng bá, tuyên truyền cho khách hàng về lợi ích của tín dụng xanh. Một số khách hàng nhận biết khái niệm tín dụng xanh nhưng sử dụng chưa nhiều, thậm chí có nhiều khách hàng chưa biết đến thuật ngữ này. Vì thế, các ngân hàng cần có các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn khách hàng thông qua việc tổ chức hội thảo về chủ đề tín dụng xanh, các video ngắn giới thiệu về tín dụng xanh. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Nhà nước, quy định của ngành ngân hàng về cho vay nông nghiệp, nông thôn và kịp thời nắm bắt, xử lý khó khăn, vướng mắc của khách hàng trong quá trình vay vốn; báo cáo về NHNN các vấn đề vượt thẩm quyền nếu có phát sinh.

Cuối cùng, áp lực từ đối thủ cạnh tranh có tác động tích cực đến sự chấp nhận thực hiện tín dụng xanh của tổ chức tín dụng. Từ đó, các NHTM cần tăng cường nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên ngân hàng, tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, hội thảo về chủ đề ngân hàng xanh, tín dụng xanh, phát triển bền vững, đánh giá rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động tín dụng xanh●

(Xem tiếp trang 56)